TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HSST
Ngày: 26/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông: Hoàng Văn Thụ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Hoàng Văn Thọ , nghề nghiệp: cán bộ
Nơi công tác: Thanh tra huyện Bảo Lâm
2. Bà: Lương Thị Nụ , nghề nghiệp: cán bộ
Nơi công tác: Phòng giáo dục - Đào tạo huyện Bảo Lâm
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đàm Nhật Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2017. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. Tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2017/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/HSST-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 đối với:

- *Bị cáo:* Lý Thị S, Tên gọi khác: Không có, Sinh năm 1976 tại xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; HKTT: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Chỉ; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Mù chữ; Con ông: Lý Văn C *(Đã chết);* Con bà: Đặng Thị S, sinh năm 1946, nghề nghiệp: Trồng trọt, trú tại: xã M, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có 06 anh chị em, là con thứ 04; Chồng: Lý Văn B, sinh năm 1973, nghề nghiệp: Không nghề, trú tại: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2017 đến nay *(có mặt tại phiên tòa)*

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị S:* Ông: Nông Văn D, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng *(có mặt)*

- *Những người có quyền lợi liên quan đến vụ án:*

1/ Ông: Lý Văn B, sinh năm 1973

2/ Chị: Trang Thị T, sinh ngày 11/02/2000

Cùng trú tại: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng *(đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);*

- *Người đại diện theo pháp luật cho chị Trang Thị T:* ông Trang Văn G, 40 tuổi, bố đẻ Trang Thị T, trú tại: Xóm D, xã P, huyện C, tỉnh Cao Bằng *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- *Những người làm chứng:*

1/ Ông: Ma Văn T1, sinh năm 1991

Trú tại: xóm E, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng *(vắng mặt)*

2/ Ông: La Văn T2, sinh năm: 1990

Trú tại: xóm H, xã P, huyện C, tỉnh Cao Bằng *(vắng mặt)*

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng số: 10/KSĐT-MT ngày 18/5/2017, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau: vào hồi 18 giờ 35 phút ngày 15/02/2017, tổ công tác Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đang tuần tra tại xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng bắt quả tang Lý Thị S đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng tạm giữ gồm 05 gói nhỏ và 23 tép nhỏ chứa chất bột màu trắng; 01 điện thoại di động Nokia màu trắng hồng và 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ đen đều đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam đồng 1.040.000đ *(Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).* Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người và vật chứng về Công an huyện Bảo Lâm để điều tra làm rõ. Cùng ngày, Công an huyện Bảo Lâm đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lý Thị S, tạm giữ 03 xi lanh kim tiêm đã qua sử dụng; số tiền Việt Nam 24.500.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Ngày 16/02/2017, CQĐT mở niêm phong vật chứng cân số chất bột màu trắng tạm giữ được khi bắt quả tang có trọng lượng tịnh là **1,85 gam**. Tại bản kết luận giám định số: 38/GĐMT ngày 24/02/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu gửi giám định có **heroine** (hêrôin).

Tại CQĐT, Lý Thị S đã khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 13/02/2017, S mua 01 gói hêrôin không rõ trọng lượng với một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ với giá 1.600.000đ *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* tại nhà bếp của S. Sau khi mua hêrôin, S chia ra thành nhiều tép nhỏ để chồng của S là Lý Văn B sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. S đã bán hêrôin cho Ma Văn T1, La Văn T2 và một người không rõ tên địa chỉ tất cả 05 lần, cụ thể: Lần 01: Trưa ngày 13/02/2017 S bán cho T1 01 tép hêrôin với giá 100.000đ; Lần 02: Trưa ngày 14/02/2017, S bán cho T2 01 tép hêrôin với giá 100.000đ; Lần 03: Khoảng 13 giờ ngày 15/02/2017, S bán cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ 01 tép hêrôin với giá 100.000đ; Lần 04: Khoảng 16 giờ ngày 15/02/2017, S bán cho T1 03 tép hêrôin không rõ trọng lượng với giá 300.000đ; Lần 05: Khoảng 18 giờ ngày 15/02/2017, S bán cho T2 02 tép hêrôin với giá 250.000đ. Địa điểm các lần mua bán tại nhà S, khi mua bán đều không rõ trọng lượng hêrôin và chỉ có S với người mua biết. Lần 04 có thêm Hà Văn Đ biết việc T1 mua hêrôin với S. Lời khai của Ma Văn T1, La Văn T2 đều thừa nhận được mua hêrôin với Lý Thị S mỗi người 02 lần để bản thân sử dụng. Hành vi trên đây của Lý Thị S đã bị Công an huyện Bảo Lâm lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm truy tố về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Thị S từ 08 đến 09 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Đề nghị áp dụng khoản 5 điều 194 BLHS phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 10 triệu

đồng để sung quĩ Nhà nước; Vật chứng và án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo S trình bày lời bào chữa: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, tuy nhiên bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, bị cáo mù chữ nên nhận thức pháp luật rất hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai nhận tội và ăn năn hối cải, do đó đề nghị đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 46; Điều 47 của BLHS xử phạt bị cáo 06 năm tù để bị cáo có sớm trở về đoàn tụ chăm sóc gia đình; ngoài ra đề nghị trả lại số tiền không liên quan đến ma túy cho bị cáo được sử dụng;

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về nhà đoàn tụ chăm sóc gia đình, bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Trong tháng 02/2017, bị cáo Lý Thị S mua hêrôin với một người không rõ họ tên, địa chỉ rồi bán lại cho Ma Văn T1, La Văn T2 và một người không rõ họ tên, địa chỉ tất cả 05 lần được tổng số tiền là 850.000đ *(Tám trăm năm mươi nghìn đồng).* Số hêrôin còn lại có tổng trọng lượng tịnh là **1,85 gam** bị cáo chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt quả tang và tạm giữ. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về tội mua bán trái phép chất ma túy là đúng. Lời nhận tội của bị cáo đều phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người làm chứng, phù hợp với tang vật vụ án và các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Bị cáo Lý Thị S thực hiện hành vi phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, vì động cơ mục đích vụ lợi, xâm phạm đến khách thể là chất ma túy do Nhà nước độc quyền quản lý. Bản cáo trạng truy tố bị cáo Lý Thị S về tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết *"Phạm tội nhiều lần"* theo điểm b khoản 2 Điều 194 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nhân thân người phạm tội: Bị cáo Lý Thị S có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nên đã phạm tội. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp làm cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải *(điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự).* Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu xa có nhận thức pháp luật hạn chế, trình độ văn hóa mù chữ *(khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự)*;

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để xử lý nghiêm người phạm tội, đồng thời tuyên truyền giáo dục trong quần chúng nhân dân về tác hại của chất ma túy.

Không chấp nhận ý kiến của người bào chữa đề nghị xử phạt dưới khung vì không có căn cứ. Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, tuy nhiên qua thảo luận đánh giá các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội, Hội đồng xét xử đã thống nhất cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự đó là: Người phạm tội là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu xa có nhận thức pháp luật hạn chế (trình độ văn hóa mù chữ), do đó cũng được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt có lợi cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm được trở về đoàn tụ chăm sóc gia đình.

Đối với hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự, Kiểm sát viên đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước; Hội đồng xét xử đồng ý phạt bổ sung mức 10 triệu đồng, mức cao nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Về hướng xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì niêm phong vật chứng vụ án là chất ma túy và 03 xi lanh kim tiêm mà Lý Văn B sử dụng vào việc tiêm chích ma túy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01chiếc điện thoại di động Nokia màu trắng hồng, qua điều tra xác định là của chị Trang Thị T cho bị cáo mượn để nghe nhạc, tại CQĐT và tại Tòa chứng minh không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chị T. Đối với 01 chiếc điện thoại di động Viettel màu đỏ đen, qua điều tra xác định là của ông Lý Văn B cho bị cáo mượn để tải nhạc, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho ông B quản lý sử dụng.

Đối với số tiền 25.540.000đ đang bị tạm giữ, qua điều tra và tại Tòa xác định trong đó có: Số tiền 850.000đ là tiền bị cáo S thu được từ việc bán hêrôin mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 24.690.000đồng là tiền do gia đình bị cáo S bán dê, bán bò, bán củi và lao động mà có không liên quan đến tội phạm, xét yêu cầu của bị cáo và người bào chữa là có căn cứ do đó cần trả lại cho bị cáo S nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Trong vụ án này, đối với người đàn ông bán hêrôin cho S và người đàn ông mua hêrôin với S, do không biết họ tên và địa chỉ nên CQĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ đối tượng đã mua bán hêrôin với bị cáo.

Đối với Ma Văn T1 và La Văn T2 được mua hêrôin với bị cáo để bản thân sử dụng, không rõ trọng lượng hêrôin khi mua bán, CQĐT quyết định xử phạt hành chính đối với T1, T2 bằng hình thức cảnh cáo là có căn cứ. T1 và T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, hiện các đối tượng này không có mặt tại địa phương. Tuy nhiên T1 và T2 đã có lời khai đầy đủ tại CQĐT, Hội đồng xét xử cũng đã đủ căn cứ để kết tội bị cáo S về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với Lý Văn B bị bệnh mất khả năng lao động được S cho hêrôin để sử dụng, B không biết việc S mua bán hêrôin. Do đó CQĐT quyết định xử phạt hành chính đối với B bằng hình thức cảnh cáo là có căn cứ.

Đối với Hà Văn Đ được Ma Văn T1 nhờ chở đi mua hêrôin về sử dụng, bản thân Đ không sử dụng ma túy, vì lo sợ T1 sẽ lấy xe máy đi cầm cố nên mới đồng ý chở T1 đi. Do đó, CQĐT không xử lý đối với Đ là có căn cứ.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng về tội danh, mức hình phạt, hướng xử lý vật chứng và án phí cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Lý Thị S phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy".*

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Thị S **07 năm 08 tháng** *(Bảy năm tám tháng)* tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 16/02/2017. Áp dụng khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bị cáo số tiền **10.000.000đ** *(Mười triệu đồng chẵn)* để sung quỹ Nhà nước.

3/ Áp dụng Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong: Mặt trước ghi "Vật chứng vụ: Lý Thị S trú tại xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Cao Bằng. Bắt quả tang ngày 15/2/2017 phạm tội: Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy", mặt sau có dấu giáp lai của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng cùng các chữ ký; 03 xi lanh kim tiêm đã qua sử dụng; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 850.000đ *(Tám trăm trăm mươi nghìn đồng)* của bị cáo Lý Thị S do phạm tội mà có; Trả lại cho bị cáo Lý Thị S số tiền **24.690.000đ** *(Hai mươi tư triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)* nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Trả lại cho ông Lý Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, số Imei 355480027219547; Trả lại cho chị Trang Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng hồng, số Imei 355191/05/61882/9. *(Toàn bộ vật chứng đã được giao tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản Giao nhận vật chứng, tài sản số: 16, ngày 18/5/2017).*

4/ Áp dụng các điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lý Thị S phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người bào chữa có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi liên quan đến vụ án và người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện, tỉnh;
- Công an huyện; Trại giam;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Hồ sơ Thi hành án hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Hoàng Văn Thụ